

TRÍ THỨC KHOA HỌC: VỐN VÀ HÀNG HOÁ QUÝ HIẾM TRONG THỊ TRƯỜNG KINH TẾ TRI THỨC

TRẦN CAO SƠN*

1. Xu thế thời đại

Trong lịch sử phát triển của khoa học - kỹ thuật, cuộc cách mạng hiện nay được coi là cuộc cách mạng lần thứ 3. Theo K. Thurow, thì *"cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba được đánh dấu bằng sự quá độ từ các hệ thống kinh tế quốc gia sang nền kinh tế toàn cầu. Cũng giống như cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai được đánh dấu bằng sự thay đổi các hệ thống kinh tế địa phương bằng các hệ thống kinh tế quốc gia"*.

Nếu như cuộc cách mạng lần thứ hai được đặc trưng bởi *"sự phát triển có tính rượt đuổi"* dựa trên sự sao chép các công nghệ hiện có, thì cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba đòi hỏi *sự phát triển có tính độc lập, có tính tích cực và sự tăng trưởng gấp nhiều lần tri thức* là điều kiện cơ bản để mang lại thành tựu kinh tế hiện đại.

Cục diện thế giới ngày càng có những thay đổi to lớn, khi cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật mới lấy kỹ thuật thông tin làm trung tâm phát triển sôi động, các nước đang phát triển phải đối mặt với thách thức gay gắt... Chúng ta phải cải cách hơn nữa thể chế kinh tế chính trị và thể chế giáo dục để theo kịp với trào lưu thời đại, rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

Rất nhiều xung đột bề ngoài xem ra mang tính chính trị, trên thực tế bao hàm sự khác biệt căn bản và sâu xa về tri thức. Sự xung đột nội bộ và chính trị của thời đại chúng ta không đơn giản chỉ là hoặc thậm chí chủ yếu không phải là những vấn đề chính trị hoặc kinh tế, mà về cơ bản là vấn đề tri thức, bắt rễ sâu ở quan niệm giá trị và cảm giác hình thành trong lịch sử.

* PGS.TS. Viện Xã hội học.

2. Xã hội nền kinh tế tri thức: xã hội nhân tài

- Nhân tài là cốt lõi của tri thức: Ở thời đại kinh tế tri thức, sự thành bại của doanh nghiệp trên thực tế quyết định bởi sự quản lý của con người. Cầu tài, nhận biết người tài, sử dụng người tài, chăm sóc xây dựng người tài là tố chất cần phải có đối với mỗi một người quản lý doanh nghiệp thành công.

- Trong quản lý doanh nghiệp tiên tiến, con người là nhân tố rất quan trọng. Giỏi về lựa chọn người là một điều cần thiết phải có đối với một nhà doanh nghiệp ưu tú. Trong thời đại kinh tế tri thức, chỉ dựa vào sức mạnh cá nhân khó làm tốt được. Vì vậy các nhà doanh nghiệp phải biết tuyển chọn người, sử dụng người và phân quyền ở mức độ thích hợp.

- Ở thời đại kinh tế tri thức, khoa học kỹ thuật cao phát triển nhanh chóng thì tiêu chí của cạnh tranh được biểu hiện ở sự độ sức về kỹ thuật.

Con người là mục đích vận hành của xã hội. Xã hội kinh tế tri thức xuất phát từ con người, khai thác con người, phục vụ con người; xã hội kinh tế tri thức là xã hội nhân tài.

Được nhân tài, được thiên hạ; mất nhân tài, mất thiên hạ. Người Mỹ phải mất 3 lần đến Đức mới mời được A. Einstein. Nước Mỹ dùng tiền mua những nhà khoa học đoạt giải Nobel (nhằm tăng cường nội lực khoa học cho nước Mỹ).

Trên một trăm năm về trước (1905), thiên tài Albert Einstein với Lý thuyết tương đối và hệ thức nổi tiếng $E=mc^2$, nhân loại bước vào kỷ nguyên bùng nổ của tiến bộ khoa học. Theo ông: *"Sáng tạo vĩ đại đòi hỏi những sự thực nghiệm ngã và những bước nhảy phi logic tới phía trước mà sau này được chứng minh là đúng dẫn do việc lùi lại những nguyên lý đã biết. Chỉ có những kẻ nổi loạn mới có thể làm được điều đó"*. Nổi loạn ở đây có nghĩa là sự táo bạo khám phá những cái mới, không chấp nhận bước theo lối mòn vạch sẵn, vượt khỏi những quy luật tư duy thông thường (TG).

Một trong những bí quyết thành công của Thung lũng thần kỳ Silicon chính là những tư tưởng triết học trong phát triển của họ: *"Thất bại cũng chẳng hề gì"; "Biết dung nhận sự hỗn loạn có tính sáng tạo"; "Hãy làm người cạnh tranh mãnh liệt nhất của chính mình"*... Các nhà khoa học luận thế giới đã tìm ra một kết luận chung nhất các nguyên lý dẫn tới thành công: *"Thành tựu của Silicon đã chứng tỏ tư tưởng con người là điều quan trọng bậc nhất cho đổi mới, mà việc bồi dưỡng nên tư tưởng và tố chất chỉ có thể thực hiện được thông qua tương tác xã hội. Mục tiêu và nhiệm vụ của quản lý tri thức là phải tạo ra một môi trường sinh thái nhân văn thích hợp. Nhân tố nhân văn trong khoa học - kỹ thuật cao còn quan trọng hơn so với chính nhân tố kỹ thuật"*. Phải chăng đây là sự kế thừa và phát triển tư tưởng vĩ đại của A. Einstein trong thời đại mới và nhờ vậy họ đã trở nên thần kỳ?

Người Trung Quốc đã sử dụng triết lý thuận - nghịch cổ xưa một cách nhuần nhuyễn, biến cái nghịch không giống ai - quy mô và áp lực dân số khổng lồ - thành cái thuận hiếm có, tức là một quốc gia có tiềm năng lao động, nguồn lực trí tuệ hùng hậu không ai sánh kịp, đáp ứng nhu cầu sẵn lòng chất xám toàn cầu. Trung Quốc trở thành điểm đến của trí thức khoa học thế giới thuộc hầu hết các lĩnh vực, là *Đại học Đường* tinh luyện nhân tài cho mình và thiên hạ.

Họ đã quán triệt sâu sắc quan điểm ủng hộ trí thức khoa học, chiêu mộ hiền tài. Gần đây nhiều nhà khoa học danh tiếng từ các nước phương Tây trở về Trung Quốc, họ được hưởng nguyên số lương như ở nước ngoài, được cấp nhà, cấp xe và nhiều điều kiện vật chất khác. Họ được tôn vinh và trọng dụng. Mức sống thực tế tăng lên so với trước rất nhiều.

3. Kinh tế tri thức Việt Nam - Những ẩn số chưa có lời giải

Việt Nam đi vào kinh tế tri thức là tất yếu. Phát triển kinh tế tri thức để rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến. Hai nhiệm vụ song hành lồng ghép, hòa quyện hỗ trợ, bổ sung, đó là từ kinh tế nông nghiệp tiến thẳng vào *nền kinh tế công nghiệp, từ kinh tế công nghiệp tiến vào kinh tế tri thức*. Công nghiệp hóa Việt Nam thực hiện trong thời đại của khoa học - kỹ thuật ở trình độ cao với thuộc tính cơ bản nhất là ở tính hiện đại. Suốt mấy trăm năm vật lộn trên lộ trình công nghiệp hóa, các nước đi trước có bước đi mang tính tuần tự, kế tiếp, lúc tiệm tiến, khi nhảy vọt, là một chuỗi liên hoàn theo thời gian kéo dài hàng thế kỷ. Lịch sử không lặp lại bước đi ấy với những nước đi sau. Công nghiệp hóa Việt Nam là mô hình khá chuyên biệt, chưa có tiền lệ, đòi hỏi đến mức nghiêm ngặt những yêu cầu: hiệu quả - chất lượng - tốc độ - thời gian - cơ hội.

Đúng như P. Drucker, nhà khoa học luận và nhà kinh tế hàng đầu của Mỹ đã nói: *"Các nước đang phát triển không thể mong chờ đặt sự phát triển của mình dựa trên lợi thế so sánh về lao động - tức lao động công nghiệp rẻ được nữa. Lợi thế so sánh có hiệu quả bây giờ phải là ứng dụng tri thức"*.

Việt Nam không có mặt trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, đứng ngoài lề cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai, bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba từ một hoàn cảnh sau hơn thế kỷ nô lệ, chiến tranh, cô lập, cấm vận, nền kinh tế và hạ tầng kỹ thuật yếu kém bị tàn phá nặng nề. Chúng ta chưa được tập dượt ở *sự phát triển có tính rượt đuổi* thì đã phải sẵn sàng bước vào *sự phát triển có tính độc lập, có tính tích cực và sự tăng trưởng gấp nhiều lần tri thức*. Đó là thách thức lớn. Trong vài thập niên trở lại đây chúng ta đã hé mở được những khả năng mới cho quá trình hội nhập và cạnh tranh.

Các quan điểm về một giải pháp cho Việt Nam: Các ý kiến nêu ra rất phong phú. Các khái niệm: Tạo khâu đột phá, thực hiện nhiệm vụ kép, xây dựng khu công nghệ cao, có chính sách thu hút nguồn nhân tài, có chiến lược phát triển nguồn lực con người v.v đã thể hiện một quyết tâm có tính khả thi đối với Việt Nam.

Chúng ta "đi tắt đón đầu" - như Đại hội VIII đề ra - có nghĩa là chúng ta phải đi nhanh vào kinh tế tri thức. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta phải sử dụng tri thức mới nhất, khoa học và công nghệ mới nhất của thời đại. Chúng ta phải kết hợp nhiệm vụ công nghiệp hoá với nhiệm vụ đi vào nền kinh tế tri thức làm một; không thể tuần tự kết thúc giai đoạn này mới đến giai đoạn khác.

Đương nhiên ở đây, khái niệm đi tắt đón đầu nên hiểu như thế nào cho đúng, không thể hiểu nôm na cơ học như đánh du kích trong rừng núi thời chiến tranh. Muốn đi tắt thì cần hai điều kiện. Thứ nhất là kẻ đi trước phải đi đường vòng; thứ hai là người đuổi sau phải đủ sức mở đường tắt, đường mới. Mở đường tắt không phải đơn giản khi kẻ đi trước đang băng băng trên xa lộ. Cả hai yếu tố này hình như không hiện hữu trong cuộc chạy đua kinh tế và trí tuệ thời đại ngày nay. Các nước đi trước đã tìm ra con đường ngắn nhất, tiếp cận nhanh nhất mục tiêu lựa chọn. Chúng ta tìm đường nào để đi tắt quả không phải là chuyện đơn giản. Không thể cứ nói cho vui, cho thêm lòng tự tin mà được.

Bước chung trên một con đường của khoa học và trí tuệ với trăm nghìn thách thức, phương cách duy nhất của kẻ đi sau là tăng tốc và rượt đuổi, đúng cả trong nguyên lý vận hành, cả trong thực tiễn. Giữ vững khoảng cách với các nước tiên tiến đã khó, lại phải tăng tốc và rượt đuổi để rút ngắn khoảng cách, thật là một thách thức với nhiều ẩn số. Tìm được lời giải đã khó nhưng chấp nhận lời giải còn khó gấp trăm lần.

Bỏ nhiều của vay mượn để mua sắm cái tốt nhất về dùng không phải là nguyên lý của đi tắt đón đầu trong sự thay đổi và cạnh tranh hiện nay.

Tạo lập chuẩn mực giá trị cho khoa học và nhà khoa học, đặt khoa học lên đài vinh quang, kéo họ trở về với bản ngã đích thực. Đây là khâu đột phá quan trọng. Xây dựng đất nước thành vườn ươm trí tuệ, tạo dựng hình tượng người khổng lồ trong sáng tạo và cống hiến.

P. Druker, người được mệnh danh là cha đẻ của nền quản lý kinh tế hiện đại, có câu nói nổi tiếng, đó là: "Những hậu quả về vật chất mà một dân tộc phải gánh chịu, có thể còn khắc phục được, nhưng những hậu quả thiệt hại về mặt trí tuệ thì không bao giờ; tri thức trở thành nguồn của cải mới, là điều chưa diễn ra trước đây".

Hy vọng từ đây sẽ đặt ra nhiều vấn đề cần cân nhắc, xem xét đối với chính sách khoa học và đội ngũ trí thức khoa học trong công cuộc cải cách hành chính mà chúng ta đang tiến hành.

4. Thực trạng về đội ngũ trí thức khoa học Việt Nam: đối tượng nhạy cảm ở nhiều khía cạnh liên quan

Một câu hỏi lớn thường trực trong đời sống xã hội, vừa truyền thống vừa thời sự, đó là vấn đề trí thức khoa học, vấn đề người thầy trong nghiên cứu, giảng

day, đào tạo, vấn đề các nhà khoa học đang làm công tác nghiên cứu chuyên nghiệp trong các Viện nghiên cứu. Một sự kỳ vọng lớn và liên quan đến nó là chiến lược xây dựng đội ngũ, chính sách nuôi dưỡng nguồn tiềm năng trí tuệ trong chiến lược phát triển.

Đó là điều may, bởi dân tộc nào biết quan tâm thì dân tộc đó thành công, đặc biệt trong cuộc thương chiến toàn cầu trình độ cao hiện nay.

Một lẽ giản đơn, trong nó hàm chứa giá trị siêu việt của một tài sản, một nguồn vốn, một hàng hoá thượng đẳng siêu lợi, khó tính hết lãi suất xã hội do nó tạo ra.

Trí thức là một phạm trù rộng, đa dạng về cách hiểu với hàng loạt khái niệm, định nghĩa không nhất quán. Nếu như anh chàng AQ của văn hào Lỗ Tấn hiểu “cách mạng là cách mẹ cái đầu” đầy hài hước, thể hiện sự thô sơ, mộc mạc và không chuẩn xác của người nông dân Trung Quốc đầu thế kỷ trước về cách mạng; thì chỉ ít trong đó vẫn hiện hữu những hạt nhân hợp lý. Còn ở đây, mọi thao tác hoá về khái niệm trí thức nhằm tìm ra diện mạo đặc trưng sẽ có độ dung sai lớn hơn nhiều, khó tìm được đồng thuận.

Trong nội dung bài viết này, chỉ xin đề cập một đối tượng cụ thể, đó là đội ngũ Giáo sư, Phó giáo sư, những người được nhà nước xét phong chức danh khoa học. Họ nằm trong cái chung của trí thức khoa học, làm công tác nghiên cứu, đào tạo trình độ cao tại các trường đại học và các viện nghiên cứu chuyên ngành, được xét công nhận trên nguyên tắc thực hiện đúng và đủ những quy định về thành tích khoa học và đào tạo theo các tiêu chí qui định. Đây chính là đối tượng mà dư luận xã hội luôn quan tâm.

Các quy chế của Nhà nước trong xét công nhận chức danh GS, PGS đã thể hiện rõ những đặc trưng hoạt động: Lao động trí tuệ, sáng tạo, phát minh, truyền thụ và đào tạo ở trình độ cao và trải qua một quá trình lâu dài; sản phẩm lao động của họ là trí thức, là đào tạo nguồn lực trí tuệ. Đối với chương trình đào tạo bậc cao: đại học và trên đại học, việc truyền thụ không thuần túy chỉ mang đến cho người học cái đã có sẵn như giáo dục phổ thông, mà quan trọng hơn là phải cho họ những cái chưa có sẵn, được người thầy tự nghiên cứu làm ra, mới mẻ, hiệu quả, đúng yêu cầu, làm phong phú khoa học và nâng tầm người được đào tạo.

Để có được chứng chỉ công nhận chức danh GS, PGS, các nhà khoa học phải trải qua một lộ trình lâu dài, công phu.

Tuyệt đại bộ phận những người có chức danh khoa học, không có chức vụ quản lý Nhà nước, hoặc các địa vị xã hội khác, mà chỉ thuần túy làm khoa học trong các cơ sở khoa học và đào tạo thì mức thu nhập không khác gì công chức bình thường. Cuộc sống thiếu thốn do lương thấp, không được trọng thị, kính nể, mặc dù cái uy tín trong học thuật của họ là rất đáng quý.

Xét trong cả cuộc đời lao động nghiên cứu khoa học, đào tạo trình độ cao mà đội ngũ khoa học hàng đầu có mức thu nhập thấp kém như ở Việt Nam là điều chưa từng có ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Họ trở thành thành phần yếu kém của xã hội về đời sống kinh tế.

Chính đây là nguyên nhân của những cái tiêu cực trong giới trí thức mà xã hội thường bàn tới.

- Xin chuyển đi nơi khác có thu nhập cao hơn, đi làm thuê cho các tổ chức phi chính phủ, cho các tổ chức nước ngoài, thậm chí cho cả chính học trò của mình. Việc làm trở nên vô thức, rất hỗn nhiên. Tất cả vì đồng tiền, vì cuộc sống. Hiện tượng *chảy máu chất xám* được hiểu theo nghĩa cơ học đang diễn ra ngày càng phổ biến xuất phát từ nguyên nhân này.

- Chấp nhận các tiêu cực trong giảng dạy, chạy xô dạy thêm, dạy thuê cho các cơ sở ngoài nhà nước có mức thù lao cao, cầm chừng công việc được giao. Chấp nhận mọi sự chi phối để có thêm thu nhập.

Những người làm khoa học chân chính, người thầy chân chính thì vẫn giữ đúng phẩm giá của mình, *giấy rách giữ lề; sinh nghề, tử nghiệp; đói cho sạch, rách cho thơm*; dù trong hoàn cảnh nào cũng lấy công việc chuyên môn làm lẽ sống, hoàn thành tốt trách nhiệm và thực sự có những đóng góp lớn lao, có ý nghĩa cho khoa học và cho sự nghiệp đào tạo.

Đây mới chính là cái mà chúng ta đang gọi là *trí thức khoa học, là người thầy*, là *đối tượng thứ thiệt* chúng ta cần biết và phải có chế độ như thế nào cho hợp lý với sự đóng góp của họ.

Như vậy, mỗi con người đều biết được cái vốn hàng hoá mà mình đang có và đã biết tìm hướng kinh doanh hợp lý theo cách riêng. Hãy nên coi đó là vốn, là hàng hoá quý hiếm của đất nước và người có trách nhiệm kinh doanh có lãi nhất, hiệu quả nhất chính là Nhà nước thông qua các chính sách sử dụng.

5. Tính chung chung và không mạch lạc

a. Tính liên kết kém

Xét theo bình diện chung trên thế giới, nhất là đối chiếu với hệ thống đại học các quốc gia tiên tiến, thì cấu trúc hệ thống nghiên cứu khoa học và đào tạo bậc cao nước ta thuộc loại không giống ai.

Hệ thống đại học các nước nhìn chung là hệ thống khép kín, hoàn chỉnh, tổng thể, bao gồm cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và đào tạo, các viện nghiên cứu nằm ngay trong hệ thống các trường đại học. Hệ thống các viện nghiên cứu khoa Việt Nam (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Khoa học Tự nhiên và Công nghệ) với gần một trăm viện nghiên cứu chuyên ngành và hàng ngàn nhà khoa học có kinh nghiệm và trình độ lại nằm riêng biệt, tách khỏi đại học.

Các trường đại học thì thiếu đến mức trầm trọng đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Mấy năm gần đây, hàng loạt trường đại học mới được thành lập: Trường chính quy Nhà nước, Trường Dân lập, Bán công, Trường Đa khoa, Chuyên ngành. Đội ngũ giảng viên được thu gom theo nhiều dạng: người đã nghỉ hưu nhưng còn khả năng và nhu cầu phục vụ, giáo viên các trường cao đẳng chuyển lên, sinh viên mới tốt nghiệp loại khá giữ lại và một đội ngũ đông đảo cán bộ thỉnh giảng chưa qua chọn lọc. Trong khi đó nhiều nhà khoa học có trình độ thuộc hai viện khoa học lớn vẫn chưa được sử dụng thoả đáng trong mặt trận này.

b. Tính cào bằng trong đãi ngộ

Sự hiện diện của các cơ quan nghiên cứu của Nhà nước tồn tại mấy chục năm đã trở thành một thói quen, một sự trì trệ khó hiểu. Nhà nước cho ngân sách để duy trì thì cứ tuyển dụng, trả lương, đến tuổi nghỉ hưu, hưởng lương hưu và lại tuyển dụng lớp mới. Hơn nửa thế kỷ tồn tại theo khuôn mẫu vô hồn ấy đến mức người ta tưởng như tất yếu là nó như vậy, không đánh giá, không xem xét, không cách tân.

Vì vậy số lượng đội ngũ cán bộ có danh về khoa học thì nhiều nhưng tỷ lệ làm khoa học thì ít. Theo quy chế ba năm lên một bậc lương. Bình quân chủ nghĩa. Cứ thế mặc nhiên ai cũng được hưởng như nhau cái phần ngân sách Nhà nước đã dành cho.

Tính khách quan của vấn đề thì không đáng phải như vậy. Đối với những người làm khoa học chân chính, có hiệu quả thực sự cho khoa học thì họ đáng được nhận hơn thế nhiều lần, và phải được nhiều hơn thì mới đảm bảo cho nghiên cứu khoa học. Thực tế chúng ta có thể làm được việc đó. Trong khi có rất nhiều người cũng thuộc diện cán bộ nghiên cứu, thậm chí có người có bằng cấp, có học vị, học hàm nhưng xa rời khoa học. Họ tham gia vào một số thao tác mang tính cơ học thuần túy, như đi lấy phiếu hỏi, sau đó nhận tiền với mức thu nhập cao rồi nghỉ ngơi và vẫn lĩnh lương hàng tháng trong ngân sách.

Hiện nay nhiều trường hợp thu nhập so với hiệu quả lao động cao đến mức không một nước nào trên thế giới sánh kịp. Suốt ba bốn mươi năm tại cơ quan nghiên cứu với mấy trăm tháng lương nhận từ ngân sách, cộng với những chi phí khác do nhà nước tài trợ để họ làm việc, tính ra cả tỷ đồng. Nhưng cái họ mang lại cho công việc chỉ là mấy bài báo đăng tải trên tạp chí chuyên ngành hẹp, giá trị khoa học không cao. Nếu để người có trình độ thực sự làm thêm, thì mấy bài báo ấy viết cũng chỉ một vài tháng là xong, chất lượng còn cao hơn. Thực trạng này không biết sẽ kéo dài đến bao giờ. Nuôi không suốt đời những người đã vào biên chế là điều chưa từng có đối với bất cứ một xã hội tiến bộ nào trên thế giới. Đó chính là bất công xã hội.

Nếu chúng ta có một cuộc điều tra xã hội học nghiêm túc, trung thực và mạnh dạn thì câu trả lời cho vấn đề là rất rõ ràng.

Tại sao người có năng lực, có trình độ lại không muốn làm nghiên cứu khoa học thuần túy? Vì sao người ta muốn có được làm cán bộ quản lý? Tất cả đều có nguyên do chính đáng của nó, vì chính sách không mạch lạc trong đãi ngộ khoa học, buông lỏng khâu đánh giá và xem xét hiệu quả.

Đội ngũ trí thức khoa học Việt Nam nằm trong thực trạng rất oái oăm: thiếu: rất thiếu; thừa: rất thừa; hợp tác không chặt chẽ, không phát huy nội lực sáng tạo cá nhân, vị kỷ và thiếu tự tin. Đó là đặc điểm nổi bật.

Chúng ta có một đội ngũ khoa học đông đảo về số lượng và rải khắp mọi lĩnh vực. Nhưng chưa bao giờ Việt Nam có được một công trình khoa học hay một phát minh lớn nào xứng đáng với tầm quốc tế. Những học sinh giỏi toán, lý, hoá đỗ trong các kỳ thi quốc tế rất đáng khen, nhưng chỉ một thời gian lại tan biến đầu mất.

Phần đầu để có số lượng đông đảo người có bằng cấp tính trên đầu dân, điều đó không khó. Nhưng cái khó là chất lượng của đội ngũ ấy sẽ như thế nào và sử dụng họ ra sao. Bằng cấp muốn cấp, muốn trao là có ngay, nhưng trí tuệ thì không phải thế. Đội ngũ hiện có chưa nhiều mà còn trong tình trạng vất vưởng, lung lúng khoa học, lung lúng chính trị, lung lúng đối, lung lúng thiếu. Chưa thấy một chân dung khoa học nào thực sự là niềm tự hào của Việt Nam trước thế giới. Hướng chỉ đến khi có thêm hàng vạn người có bằng cấp được đào tạo vội theo chỉ tiêu thì sẽ ra sao? Biết bao nhiêu vị sau khi có đầy đủ học hàm học vị là lập tức rời khỏi mặt trận khoa học và tiến thân vào con đường khác. Bằng cấp, chứng chỉ nằm trong tủ như một kỷ niệm. Kiến thức khoa học mới mạnh nha đã chìm vào dĩ vãng. Đương nhiên đối tượng này chiếm tỷ lệ nhỏ.

6. Lời kết: Ngày xưa Đại sư Huyền Trang đời Đường sang Tây Trúc thỉnh kinh. Thấy trò Đường Tam Tạng ném trái 81 kiếp nạn đầy kỳ thú. Họ đi Tây Thiên theo chỉ dụ của Hoàng đế đại Đường vì Trung Quốc chưa có chân kinh, chưa có cái gốc Chân - Thiện - Mỹ của Phật tổ Như Lai. Thế rồi họ cũng đến đích và mọi người đều nhận được phần thưởng xứng đáng, thoả công gian khổ.

Nghìn năm sau, đoàn người Việt Nam lại sang trời Tây, nhưng là Tây Âu chứ không phải Tây Trúc để học và nhận bằng cử nhân, tiến sĩ, khó khăn không kém. Nhưng rồi cái nhận được sau khi tu hành chính quả lại là hàng loạt những nổi cộm xã hội. Cái vốn trí tuệ và văn hoá quả thật khó hạch toán thông thường.

Họ thực sự trở thành một nhóm xã hội đặc hữu cho thị trường kinh tế, văn hoá, trí tuệ đất nước. Cái lợi nhuận mang lại là rất lớn, không thể đo đếm thông thường.

Chúng ta có thể nhắc lại lời của Prigogine: *Tôi tin rằng mỗi người chúng ta đều có một tài năng, nhưng mới chỉ có ít người trong chúng ta có được ưu đãi để thể hiện nó.*

Điều này đã minh chứng cho vấn đề tạo lập cơ hội cho mỗi cá nhân trong thời đại mới đến nhường nào, và các quốc gia trên đây đã sớm ý thức được. Hy vọng Việt Nam cũng sớm có tên trong danh mục ấy.